TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **570**/2018/KDTM-PT
Ngày: 11/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phú

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Hồng Ân

Bà Nguyễn Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái, Kiểm sát viên

Trong các ngày 08 và 31 tháng 5, 04 và 11 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2016/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 350/2015/KDTM-ST ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân quận S bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1196/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AC
Địa chỉ: 442 NTMK, Phường 5, Quận C, TPHCM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Hưng và ông Huỳnh Thanh Dũ, đại diện theo ủy quyền (GUQ số 169/UQ-ACBA.13 ngày 17/5/2013 và GUQ số 460/UQ-QLN.18 ngày 08/5/2018) (*Có mặt*)

Bị đơn: Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vũ Hoàng H
Địa chỉ: 729 CMTT, Phường 6, quận S, TPHCM

(*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Trọng H

- Bà Hoàng Thị Q

- Bà Vũ Thị T

- Bà Trần Thị G
Cùng địa chỉ: 729 CMTT, Phường 6, quận S

- Ông Hồ Phương O

- Bà Vũ Thị H
Cùng địa chỉ: 32 HV, Phường 1, Quận K, TPHCM

- Bà Vũ Thị L

- Ông Phạm Đăng Th
Cùng địa chỉ: 47 HV, Phường 4, Quận K, TPHCM

- Ông Nguyễn Văn D

- Bà Trương Thị Hồng M
Cùng địa chỉ: 101/13 NVĐ, Phường 5, quận Y

Người đại diện hợp pháp của ông Dũng, bà Minh: Ông Nguyễn Hồng Vy, đại diện theo ủy quyền (HĐUQ ngày 19/5/2016) (*Ông Dũng có mặt nhưng vẫn ủy quyền cho ông Vy*)

- Công ty TNHH XD TM Toàn P
Địa chỉ: 345/60/22 Trần Hưng Đạo, phường CK, Quận A, TPHCM

- Nha khoa Kim C
Địa chỉ: 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, trừ ông Nguyễn Văn Dũng)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Dũng và bà Trương Thị Hồng Minh (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2013 và bản tự khai ngày 17/5/2013, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP AC (gọi tắt ACB) cấp tín dụng hạn mức cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vũ Hoàng H theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.20210108/HM ngày 21/1/2008;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01160609/HM ngày 16/6/2009;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01021009/HM ngày 02/10/2009;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.04110510/HM ngày 27/5/2010;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01160410/HM ngày 16/4/2010;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01170610/HM ngày 18/6/2010;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.03.290711/TT ngày 29/7/2011;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.18.071111/TT ngày 14/11/2011;

- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01280412/HM ngày 28/4/2012; phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN.01280412/HM/PL – 01 ngày 18/6/2012; phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN.01280412/HM/PL – 02 ngày 20/8/2012;

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN.01180612/GBD ngày 18/6/2012; phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN.01180612/GBD/PL – 01 ngày 20/8/2012;

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số LVS.DN.01280412/TC ngày 28/4/2012;

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01041212/S ngày 04/12/2012.

Trong quá trình vay vốn, Công ty Vũ Hoàng H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 02/01/2013, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 04/02/2013, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/7/2013, Công ty Vũ Hoàng H còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Vốn gốc: 59.844.677.006 đ;

- Lãi trong hạn 7.450.952.876 đ;

- Lãi quá hạn: 2.371.819.669 đ ;

Tổng cộng: 69.667.819.552 đ.

và:

- Vốn gốc: 600,300 USD

- Lãi trong hạn: 39,722.43 USD

- Lãi quá hạn: 13,432.44 USD

Tổng cộng: 653,454.87 USD.

Các khoản nợ trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau :

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 32 HV, Phường 1, Quận K, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H;

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 834-147, tờ bản đồ số 05, xã Bình Hưng, huyện R, TPHCM thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H;

3. Quyền sử dụng đất là thửa đất số 4112, tờ bản đồ số 11, phường TL, Quận M, TPHCM thuộc quyền sử dụng của bà Vũ Thị T;

4. Căn hộ tọa lạc tại số 11-E-15 Lô R1-3, khu phố Sky Garden 3, phường TP, Quận G, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Vũ Trọng H và bà Hoàng Thị Q;

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 118 PCT, phường PN, quận HC, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Vũ Trọng H;

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M;

7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 47 HV, Phường 4, Quận Đ, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Trần Thị G;

8. Chứng thư bảo lãnh ngày 07/7/2007 do ông Vũ Trọng H và bà Hoàng Thị Q ký;

9. Chứng thư bảo lãnh ngày 25/5/2011 do ông Vũ Trọng H, ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị T ký;

10. Chứng thư bảo lãnh ngày 21/01/2008 do ông Vũ Trọng H và bà Hoàng Thị Q ký.

ACB đề nghị Tòa án xem xét, buộc Công ty Vũ Hoàng H có trách nhiệm trả cho ACB số tiền tính đến ngày 15/7/2013 là 69.667.449.552 đ và 653,454.87 USD. Trong trường hợp Công ty Vũ Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng đề nghị phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, đồng thời buộc ông Vũ Trọng H, ông Hồ Phương O, bà Hoàng Thị Q và bà Vũ Thị T thực hiện trả nợ thay theo chứng thư bảo lãnh đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Phương O trình bày: Vợ chồng tôi có bảo lãnh bằng căn nhà số 32 HV, Phường 1, Quận K với ACB để Công ty Vũ Hoàng H lấy tiền kinh doanh. Tôi muốn ngân hàng cho trả dần để tôi giữ lại căn nhà.

2. Bà Vũ Thị H trình bày: Vợ chồng tôi có thế chấp cho ACB căn nhà số 32 HV, Phường 1, Quận K và quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Hưng, huyện R để bảo lãnh khoản vay của Công ty Vũ Hoàng H. Trong quá trình Tòa án giải quyết, vợ chồng tôi đã trả cho ACB số tiền 10.200.000.000đ để chuộc lại căn nhà số 32 HV, Phường 1, Quận K và ngân hàng đã trả lại toàn bộ giấy tờ căn nhà trên cho vợ chồng tôi. Hiện nay, còn lại quyền sử dụng đất tại xã Bình Hưng, huyện R thì đề nghị ngân hàng xem xét giảm một phần nợ gốc và khoản tiền lãi còn lại, nếu được chấp thuận vợ chồng tôi sẽ trả tiền để lấy giấy tờ lại.

3. Bà Hoàng Thị Q trình bày: Vợ chồng tôi có thế chấp căn nhà số 11- E 2 – 15 Lô R 1-3 khu phố Sky Gadern, phường TP, Quận G để bảo lãnh khoản vay của Công ty Vũ Hoàng H do chồng tôi là ông Vũ Trọng H làm giám đốc. Trong

trường hợp Công ty Vũ Hoàng H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì tôi đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản trên để thu hồi nợ.

4. Bà Trần Thị G Trình bày: Tôi xác nhận có thế chấp căn nhà số 47 HV, Phường 4, Quận Đ cho ngân hàng để bảo đảm khoản vay của Công ty Vũ Hoàng H. Nguyện vọng của tôi là muốn chuộc lại căn nhà nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả gốc trong thời hạn 05 năm và xin miễn toàn bộ tiền lãi.

5. Bà Vũ Thị L và ông Phạm Đăng Th trình bày: Căn nhà số 47 HV, Phường 4, Quận Đ hiện do vợ chồng tôi đang sinh sống. Mẹ tôi là bà Trần Thị G có thế chấp căn nhà trên để cho anh trai tôi là Vũ Trọng H mượn tiền ngân hàng để kinh doanh. Do tình hình kinh tế khó khăn, Công ty Vũ Hoàng H không còn khả năng trả nợ, mẹ tôi tuổi cao sức yếu nên tôi đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho tôi được trả nợ thay Công ty Vũ Hoàng H bằng cách chuyển công nợ trên 9 tỷ của Công ty Vũ Hoàng H sang nợ cá nhân tôi, tôi sẽ trả trước 50%, còn lại 50% tôi sẽ trả trong thời hạn 05 năm. Tiền lãi kính mong ngân hàng xóa bỏ vì công ty đã đi vào đường cùng, gia đình tôi cũng gặp nhiều khó khăn.

6. Nha khoa KC (do bà Vũ Hải A là đại diện theo pháp luật) trình bày: Vào ngày 17 và 20/5/2000, tôi có thuê căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M để mở Phòng khám nha khoa KC, thời hạn thuê 03 năm, sau đó ký phụ lục bổ sung thời hạn thuê đến năm 2015. Tôi chỉ là người thuê nhà để kinh doanh, khi thuê tôi không biết căn nhà trên đang thế chấp cho ngân hàng. Do vậy, tôi không có liên quan gì và không có yêu cầu gì, nếu sau này có phát sinh tranh chấp giữa tôi và vợ chồng ông D, bà M thì tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

7. Công ty TNHH XD TMVT TP (do ông Huỳnh Vũ Ngọc H là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Công ty TP trúng thầu thi công công trình nâng cấp TL 15, phường TL, Quận M. Để phục vụ thi công công trình trên, công ty đã liên hệ được với UBND phường TL và chủ khu đất nằm trên tuyến để dựng lán trại cho nhân viên. Do đây là đất mượn, không trả tiền thuê nên khi có yêu cầu của chủ đất, công ty sẽ dời đi và trả lại đất. Công ty chúng tôi không có liên quan gì đến vụ án.

8. Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M trình bày: Tháng 07/2011, qua giới thiệu của người quen, tôi biết ông Vũ Trọng H – Giám đốc Công ty Vũ Hoàng H. Qua đó, ông H có nhờ chúng tôi cho mượn căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A thuộc sở hữu của chúng tôi để thế chấp cho ACB để sử dụng làm vốn kinh doanh. Theo sự hướng dẫn của nhân viên ngân hàng, ngày 29/7/2011, chúng tôi đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số LVS.BĐDN.03.290711/TT, tài sản thế chấp là thửa đất 102 m^2 và tài sản trên thửa đất tại 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A với giá trị theo định giá của ngân hàng là 21.522.000.000 đ. Sau khi mượn căn nhà trên để thế chấp vay vốn tại ngân hàng, ông H đã không thực hiện các cam kết trong hợp đồng giữa ông H và chúng tôi. Sau nhiền lần hứa hẹn trả nhà nhưng không thực hiện, ông H cho biết Công ty Vũ Hoàng H hoàn toàn mất khả năng trả nợ, vì thế không thể lấy lại căn nhà trả cho chúng tôi.

Qua tìm hiểu, chúng tôi mới biết ngân hàng và ông H có biểu hiện gian dối trong việc mượn căn nhà của chúng tôi để thế chấp bảo lãnh vay vốn.

Theo văn bản số 1390-NVCV-BCS và QLTĐ-08 ngày 05/12/2008 của ACB thì chúng tôi không đủ tư cách để thế chấp tài sản bảo lãnh cho Công ty Vũ Hoàng H vay vốn vì chúng tôi không phải là thành viên công ty, không có quan hệ gia đình với các thành viên công ty hoặc đối tượng khác được ngân hàng chấp thuận cho thế chấp tài sản bảo lãnh quy định tại văn bản này nhưng ngân hàng bất chấp, cố tình nhận thế chấp căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A của chúng tôi.

Chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét, yêu cầu ngân hàng và Công ty Vũ Hoàng H có trách nhiệm trả lại cho chúng tôi căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày: ACB và Công ty Vũ Hoàng H có ký các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.02210108/HM ngày 21/1/2008 với tổng hạn mức là 12.500.000.000 đ;

2. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01160609/HM ngày 16/6/2009 với tổng hạn mức là 5.500.000.000 đ;

3. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01021009/HM ngày 02/10/2009 với tổng hạn mức là 46.800.000.000 đ;

4. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.04110510/HM ngày 27/5/2010 với tổng hạn mức là 1.500.000.000 đ;

5. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.01170610/HM ngày 18/6/2010 với tổng hạn mức là 1.300.000.000 đ;

6. Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số LVS.DN.03.290711/TT ngày 29/7/2011 với tổng hạn mức là 26.164.000.000 đ.

Căn cứ vào các hợp đồng hạn mức cấp tín dụng trên, ACB đã cho Công ty Vũ Hoàng H vay bằng các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cấp hạn mức số LVS.DN.01280412/HM ngày 28/4/2012; Phụ lục hợp đồng LVS.DN.01280412/HM/PL - 01 ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng LVS.DN.01280412/HM/PL - 02 ngày 20/8/2012:

Hạn mức tín dụng: 88.904.000.000 đ và 5.000.000 USD; hiệu lực hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Với hợp đồng này, ACB đã giải ngân cho Công ty Vũ Hoàng H tổng cộng 68 khế ước. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty Vũ Hoàng H mới tất toán được 24 khế ước, còn lại 44 khế ước chưa thanh toán. Tính đến ngày 14/12/2015 số tiền Công ty Vũ Hoàng H còn nợ đối với 44 khế ước là:

- Nợ gốc: 21.190.000.000 đ;

- Lãi trong hạn: 13.117.315.139 đ;

- Lãi quá hạn: 5.901.830.940 đ;

- Lãi phạt: 33.436.221 đ;

Tổng cộng là: 40.242.582.300 đ

Và ngoại tệ:

- Nợ gốc: 600.300 USD;

- Lãi trong hạn: 173,243.45 USD;

- Lãi quá hạn: 80,000.01 USD;

- Phạt chậm trả: 192,94 USD;

Tổng cộng là: 853,736.40 USD.

2. Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN 01180612/GBD ngày 18/6/2012 và phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN 01180612/GBD- 01 ngày 20/8/2012:

Để thực hiện hợp đồng này, ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Vũ Hoàng H với 07 khế ước, cụ thể:

- Khế ước lần 1: 4.380.000.000 đ;

- Khế ước lần 2: 475.000.000 đ;

- Khế ước lần 3: 4.075.000.000 đ;

- Khế ước lần 4: 1.400.000.000 đ;

- Khế ước lần 5: 1.000.000.000 đ;

- Khế ước lần 6: 5.000.000.000 đ;

- Khế ước lần 7: 3.670.000.000 đ.

Tính đến ngày 14/12/2015 thì Công ty Vũ Hoàng H còn nợ ngân hàng theo 07 khế ước trên là:

Vốn gốc: 19.000.000.000 đ;

Lãi trong hạn: 9.937.109.778 đ;

Lãi quá hạn: 4.501.615.431 đ;

Phạt chậm trả: 17.919.471 đ;

Tổng cộng là: 33.456.644.680 đ.

3. Hợp đồng hạn mức thấu chi số LVS.DN.01280412/TC ngày 28/4/2012:

- Hạn mức thấu chi: 10.000.000.000 đ. Trong quá trình sử dụng hạn mức thấu chi, tính đến ngày 14/12/2015, Công ty Vũ Hoàng H còn nợ:

Nợ gốc: 9.365.987.974 đ;

Lãi trong hạn: 5.291.231.996 đ;

Lãi quá hạn: 2.356.191.326 đ;

Phạt chậm trả: 18.690.560 đ;

Tổng cộng là 17.032.101.856 đ.

4. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01271112/S (số tham chiếu: 150048149):

Số tiền vay: 225.254.820đ. Tính đến ngày 14/12/2015 Công ty Vũ Hoàng H còn nợ:

Nợ gốc: 225.254.820 đ;

Lãi trong hạn:106.205.458 đ;

Lãi quá hạn: 52.647.996 đ;

Tổng cộng là: 384.108.373 đ.

5. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01041212/S (số tham chiếu: 150471969):

Số tiền vay: 272.950.940 đ. Tính đến ngày 14/12/2015, Công ty Vũ Hoàng H còn nợ:

Nợ gốc: 272.950.940 đ;

Lãi trong hạn: 135.305.951 đ;

Lãi quá hạn: 67.755.011 đ;

Tổng cộng là: 474.011.902 đ.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty Vũ Hoàng H còn nợ ACB tính đến ngày 14/12/2015 như sau:

Nợ gốc: 50.054.193.734 đồng và 600,300 USD;

Lãi trong hạn: 28.587.168.322đồng và 173,243.45 USD;

Lãi quá hạn: 12.878.040.704 đ và 80,000.01 USD;

Phạt chậm trả: 70.046.252 đ và 192,94 USD;

Tổng cộng là: 91.589.449.011 đ và 853,736.40 USD.

ACB miễn tiền phạt chậm trả cho Công ty Vũ Hoàng H nên số tiền công ty còn phải trả là: 91.519.402.759 đ và 853,543.46 USD. Sau khi quy đổi thành tiền đồng Việt Nam thì tổng số tiền là 110.203.469.098 đồng (1USD = 21.890 đ).

Về tài sản thế chấp: Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, ông Hồ Phương O, bà Vũ Thị H đã trả cho ACB số tiền 9.160.500.000 đ nên ngân hàng đã giải chấp trả lại cho ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H toàn bộ giấy tờ nhà đất số 32 HV, Phường 1, Quận K. Đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 4112, tờ bản đồ số 11, phường TL, Quận M thuộc quyền sử dụng của bà Vũ Thị T, ACB không yêu cầu phát mãi trong vụ án này.

Do vậy, trong trường hợp Công ty Vũ Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ACB yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 834-147, tờ bản đồ số 05, xã Bình Hưng, huyện R thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H.

- Căn hộ tọa lạc tại số 11-E-15 Lô R1-3, khu phố Sky Garden 3, phường TP, Quận G thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Vũ Trọng H và bà Hoàng Thị Q.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 118 PCT, phường PN, quận HC, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Vũ Trọng H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 47 HV, Phường 4, Quận Đ thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Trần Thị G.

Đồng thời yêu cầu ông Vũ Trọng H, bà Hoàng Thị Q, ông Hồ Phương O tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thư bảo lãnh ngày 07/7/2007, 21/01/2008 và ngày 25/5/2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Phương O trình bày: Tôi đồng ý để ngân hàng phát mãi quyền sử dụng đất tại thửa đất số 834-147, tờ bản đồ số 05, xã Bình Hưng, huyện R để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty Vũ Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, việc ngân hàng yêu cầu tôi phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ngày 25/5/2011 là không có cơ sở vì tôi không ký thư bảo lãnh này.

2. Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M (do ông Vũ Minh Hđại diện theo ủy quyền) trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của ngân hàng về việc phát mãi căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A nếu Công ty Vũ Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vì:

- Dựa vào sự quen biết và không thông thạo về nghiệp vụ tài chính ngân hàng, cụ thể là nghiệp vụ bảo lãnh thế chấp vay vốn giữa Công ty Vũ Hoàng H với ngân hàng và ông D, bà M không hiểu thế nào là đúng, sai và sự an toàn của tài sản bảo lãnh thế chấp nên ký theo yêu cầu của Công ty Vũ Hoàng H.

- Căn cứ vào Công văn số 1390 ngày 05/12/2008 của Tổng giám đốc Ngân hàng ban hành thì ông D, bà M không thuộc diện theo quy định tại Điều 1.2 của văn bản 1390. Như vậy, căn nhà số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A thuộc quyền sở hữu của ông D, bà M không nằm trong diện được bảo lãnh, thế chấp cho ngân hàng.

- Hợp đồng thế chấp nhà đất số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP AC nhưng lại đóng dấu của Ngân hàng TMCP AC - Chi nhánh Cộng Hòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 350/2015/KDTM-ST ngày 21/12/2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất số 32 HV, Phường 1, Quận K, TPHCM thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H và quyền sử dụng đất tại thửa số 4112, Tờ bản đồ số 11, phường TL, Quận M, TPHCM của bà Vũ Thị T

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Vũ Hoàng H có trách nhiệm trả cho ACB số tiền là 110.203.469.098 đồng. Trường hợp chậm trả phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Nếu Công ty Vũ Hoàng H không trả nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ thay thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, đồng thời ông H, bà Q, ông O tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thư bảo lãnh ngày 07/7/2007, 21/01/2008 và 25/5/2011.

- Công ty Vũ Hoàng H phải chịu án phí sơ thẩm là 218.203.469 đồng.

Ngày 28/12/2015, ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M đã nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ACB trả lại giấy tờ căn nhà 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM cho ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay :

- Người kháng cáo (ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M, do ông Nguyễn Hồng V đại diện): Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi phát mãi tài sản bảo đảm là căn nhà số ĐBP, phường ĐK, Quận A, đồng thời yêu cầu nguyên đơn phải trả lại giấy tờ căn nhà này cho ông D, bà M do hợp đồng bảo lãnh được thực hiện không đúng mục đích, ông D, bà M bị lừa dối khi ký hợp đồng bảo lãnh.

- Nguyên đơn: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông D, bà M. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chỉ xin giải trình bổ sung: Phạm vi trách nhiệm bảo lãnh của ông D, bà M mà nguyên đơn yêu cầu là số nợ gốc và lãi phát sinh từ 07 khế ước của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN 01180612/GBD ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN 01180612/GBD- 01 ngày 20/8/2012 trong tổng số nợ gốc và lãi phát sinh từ 51 khế ước để thực hiện 5 hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LVS.DN.01280412/HM ngày 28/4/2012; Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01280412/HM/PL-01 ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01280412/HM-02 ngày 20/8/2012 (có 44 khế ước);

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN.01180612/GBD ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01180612/GBD/PL-01 ngày 20/8/2012 (có 07 khế ước);

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số LVS.DN.01280412/TC ngày 28/4/2012;

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01271112/S ngày 27/11/2012;

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01041212/S ngày 04/12/2012;

(Chi tiết theo Bản trình bày ngày 31/5/2018 của đại diện nguyên đơn).

Cụ thể, các khoản tiền phát sinh từ 07 khế ước nói trên mà ông D, bà M có nghĩa vụ trả thay cho Công ty Vũ Hoàng H bao gồm:

+ Vốn gốc: 19.000.000.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 9.937.109.778 đồng;

+ Lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2015: 4.501.615.431 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2015 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong 07 khế ước (tất cả đều điều chỉnh 3 tháng/lần) (Nguyên đơn miễn tiền lãi phạt chậm trả 17.919.471 đồng).

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm (trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và quyết định tiếp tục giải quyết vụ án) theo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, gửi quyết đinh đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Đơn kháng cáo của ông D, bà M được nộp trong thời hạn quy định.

+ Về nội dung kháng cáo: Ông D, bà M cho rằng Công ty Vũ Hoàng H đã sử dụng vốn vay không đúng mục đích nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do Công ty Vũ Hoàng H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng AC đòi phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số 75 ĐBP, Quận A theo hợp đồng thế chấp giữa ông D, bà M, Ngân hàng AC và Công ty Vũ Hoàng H là có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của ông D, bà M là không có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, tại phần quyết định, bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc Công ty Vũ Hoàng H phải trả cho Ngân hàng AC số tiền 110.203.469.098 đồng mà không tuyên riêng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là bao nhiêu và lãi suất tiếp tục theo mức lãi suất thỏa thuận nào.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần quyết định của bản án sơ thẩm cho chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Do Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa cho đại diện hợp pháp của bị đơn và bị đơn cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi phát mãi tài sản bảo đảm là căn nhà 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM đồng thời buộc Ngân hàng AC trả lại giấy tờ căn nhà này cho ông, bà:

Căn cứ vào các chứng cứ có liên quan đến kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M, bao gồm: Bản sao có chứng thực hợp pháp của "Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba" số LVS.BĐDN.03.290711/TT ký ngày 29/7/2011 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Hồng M, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP AC và bên vay là Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vũ Hoàng H và "Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất" do bên thế chấp và bên nhận thế chấp cùng ký, đăng ký ngày 30/7/2011, kèm theo Chứng nhận của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận A ngày 02/8/2011 (Số đăng ký: Q1-2011-02206), có cơ sở để xác định:

Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình cho Ngân hàng AC để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Vũ Hoàng H tại ngân hàng, hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 29/7/2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/7/2011 theo quy định của pháp luật.

Nội dung hợp đồng thế chấp nói trên thể hiện:

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Hồng M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2689/97 do UBND TPHCM cấp ngày 24/4/1997, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 03/4/1999 (Điều 1).

- Nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ trả nợ của bên vay với ACB, bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác theo Hợp đồng tín dụng số LVS.DN.03.290711/TT ngày 29/7/2011 và tất cả các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên vay khi được ACB cấp tín dụng dưới hình thức khác và các cam kết khác của bên vay. Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc

sau thời điểm ký hợp đồng này. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm đối với các khoản nợ gốc (chưa kể lãi, phí, các khoản phải trả khác) tại một thời điểm không vượt quá 20,5 tỷ đồng (Điều 2).

- Tài sản thế chấp được xử lý khi đến hạn mà bên vay và/hoặc bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, bao gồm cả trường hợp ACB thu hồi nợ trước hạn. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo phương thức ACB bán trực tiếp hoặc bán đấu giá. Trường hợp không xử lý được theo các phương thức đã thỏa thuận, ACB có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giao tài sản cho ACB để xử lý theo thỏa thuận hoặc phát mại tài sản theo quy định của pháp luật (Điều 8).

Việc ký kết cũng như nội dung cụ thể của hợp đồng thế chấp nói trên đã được ông D, bà M và ACB thừa nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc bản án sơ thẩm xác định bên vay là Công ty Vũ Hoàng H không thanh toán được nợ quá hạn và phải thanh toán ngay cho ACB tổng cộng 110.203.469.098 đồng (bao gồm cả nợ gốc, nợ lãi) và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm, trong đó có khoản nợ mà ACB yêu cầu ông D, bà M phải chịu trách nhiệm trả thay, đã được Công ty Vũ Hoàng H chấp nhận, không có kháng cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án là những người bảo lãnh cho Công ty Vũ Hoàng H vay tiền tại ACB cũng không có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn giải trình bổ sung về yêu cầu khởi kiện liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của ông D, bà M: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số LVS.BĐDN.03.290711/TT ký ngày 29/7/2011 giữa ông D, bà M, ACB và Công ty Vũ Hoàng H, ông D, bà M có nghĩa vụ trả thay cho Công ty Vũ Hoàng H các khoản nợ phát sinh từ nhiều hợp đồng vay vốn của công ty. Tuy nhiên, do giới hạn nợ gốc được bảo đảm (không vượt quá 20,5 tỷ đồng) đã được thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nên nguyên đơn chỉ yêu cầu ông D, bà M trả thay cho Công ty Vũ Hoàng H các khoản nợ phát sinh từ 07 khế ước của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN 01180612/GBD ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN 01180612/GBD- 01 ngày 20/8/2012, bao gồm:

+ Vốn gốc: 19.000.000.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 9.937.109.778 đồng;

+ Lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2015: 4.501.615.431 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2015 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong 07 khế ước (Nguyên đơn miễn tiền lãi phạt chậm trả 17.919.471 đồng).

Các khoản nợ gốc, nợ lãi và tiền lãi phát sinh nói trên đều thuộc phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm, tức phạm vi bảo lãnh của ông D, bà M theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp giữa các bên.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông D, bà M để thu hồi nợ cho ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên cũng như quy định tại Điều 56 và Điều 58 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

Kháng cáo của ông D, bà M cho rằng Hợp đồng thế chấp số LVS.BĐDN.03.290711/TT ký ngày 29/7/2011 bị vô hiệu do ông, bà bị Công ty Vũ Hoàng H và ACB lừa dối vì trước khi ký hợp đồng thế chấp, ACB đã biết Công ty Vũ Hoàng H kinh doanh thua lỗ, mất khả năng trả nợ nhưng vẫn cho công ty vay vốn nhằm mục đích đảo nợ (thanh toán nợ vay trước đó), không phải để kinh doanh như công ty đã cam kết riêng với ông, bà cũng như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng với ACB. Tuy nhiên, ý kiến này không có đủ chứng cứ chứng minh, mặc dù Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của ông D, bà M.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông D, bà M có cung cấp cho Tòa án "Tờ tường trình" có công chứng đề ngày 20/6/2016 của ông Vũ Trọng H, nguyên là Giám đốc Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vũ Hoàng H, trong đó có nội dung xác nhận "Căn nhà 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TP.HCM bảo lãnh vay để cấn trừ nợ cũ chứ không cho vay để sản xuất kinh doanh". Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm sau đó vào ngày 12/7/2016, ông H không thừa nhận nội dung nói trên (cho rằng do ông D làm đưa ông ký chứ ông không đọc, sự thật là công ty vay tiền để thanh toán cho các đối tác bán hàng) và đại diện nguyên đơn cũng không thừa nhận đã cho Công ty Vũ Hoàng H vay nhằm mục đích thanh toán nợ cũ, đồng thời nguyên đơn cũng cung cấp cho Tòa án Bảng sao kê của ngân hàng chứng minh ACB đã chuyển các khoản tiền cho vay vào tài khoản của bên bán hàng cho Công ty Vũ Hoàng H để Công ty Vũ Hoàng H thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa với đối tác kinh doanh.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đại diện các doanh nghiệp có nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản của Công ty Vũ Hoàng H tại ACB (theo Bảng sao kê của ngân hàng) đến tham gia phiên tòa phúc thẩm với tư cách người làm chứng hoặc yêu cầu các doanh nghiệp này cung cấp tài liệu, chứng cứ để làm sáng tỏ việc sử dụng vốn vay của Công ty Vũ Hoàng H nhưng các doanh nghiệp này không cử đại diện đến tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án.

Mặt khác, theo chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án là Hợp đồng thế chấp số LVS.BĐDN.03.290711/TT ký ngày 29/7/2011 như trên đã nêu, phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, TPHCM không chỉ bao gồm các nghĩa vụ phát sinh sau mà còn bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước khi các bên ký hợp đồng thế chấp này.

Do đó, kháng cáo của ông D, bà M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp số LVS.BĐDN.03.290711/TT ký ngày 29/7/2011 vô hiệu và buộc nguyên đơn trả lại giấy tờ nhà cho ông, bà là không có căn cứ để được chấp nhận.

Tuy nhiên, do trong phần quyết định của bản án, bản án sơ thẩm không xác định rõ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi suất nợ quá hạn phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm và giới hạn nghĩa vụ bảo lãnh của ông D, bà M (đối với khoản nợ gốc), có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi thi hành án nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm để xác định rõ các vấn đề nói trên.

Trường hợp Công ty Vũ Hoàng H có vi phạm các cam kết đối với ông D, bà M thì ông D, bà M có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo cam kết hoặc đòi bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[3]. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 5, 18, 27 và 30 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án:

- Công ty Vũ Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng AC.

- Ngân hàng AC không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M, sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên xử :

a) Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất số 32 HV, Phường 1, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4112, tờ bản đồ số 11, phường TL, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Vũ Thị T.

b) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vũ Hoàng H phải có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng

TMCP AC số tiền là **110.203.469.098** (*một trăm mười tỷ hai trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn không trăm chín mươi tám*) đồng và số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 15/12/2015 đến ngày trả hết nợ gốc theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số LVS.DN.01280412/TC ngày 28/4/2012; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01271112/S ngày 27/11/2012; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LVS.DN.01041212/S ngày 04/12/2012; 44 khế ước của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LVS.DN.01280412/HM ngày 28/4/2012 cùng Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01280412/HM/PL-01 ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01280412/HM-02 ngày 20/8/2012 và 07 khế ước của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN.01180612/GBD ngày 18/6/2012 cùng Phụ lục hợp đồng số LVS.DN.01180612/GBD/PL-01 ngày 20/8/2012. Cụ thể, bao gồm các khoản tiền sau đây:

- Nợ gốc: 63.194.760.734 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 32.379.467.374 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2015: 14.629.240.909 đồng;

- Tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 15/12/2015 đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn cụ thể đã thỏa thuận trong từng khế ước và hợp đồng nói trên.

Nếu Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vũ Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Phương O, bà Vũ Thị H, ông Vũ Trọng H, bà Hoàng Thị Q, bà Trần Thị G, ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thị Hồng M cũng không thực hiện việc trả nợ thay thì Ngân Hàng TMCP AC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ cho ngân hàng:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 834-147, tờ bản đồ số 05, xã Bình Hưng, huyện R, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Phương O và bà Vũ Thị H;

- Căn hộ tọa lạc tại số 11-E-15 Lô R1-3, khu phố Sky Garden 3, phường TP, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Vũ Trọng H và bà Hoàng Thị Q;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 118 PCT, phường PN, quận HC, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Vũ Trọng H;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 47, Phường 4, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Trần Thị G;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 75 ĐBP, phường ĐK, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP AC chỉ

được quyền sử dụng số tiền bán tài sản bảo đảm này để thu hồi khoản nợ gốc 19.000.000.000 (*mười chín tỷ*) đồng, nợ lãi trong hạn 9.937.109.778 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2015 là 4.501.615.431 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2015 cho đến ngày trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại 07 khế ước của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số LVS.DN 01180612/GBD ngày 18/6/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số LVS.DN 01180612/GBD-01 ngày 20/8/2012. Nếu số tiền bán tài sản bảo đảm này còn thừa sau khi thanh toán đủ số tiền nợ gốc và lãi của 07 khế ước nói trên thì ông D, bà M được nhận lại số tiền bán tài sản còn thừa.

Ông Vũ Trọng H, bà Hoàng Thị Q, ông Hồ Phương O tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thư bảo lãnh ngày 07/7/2007, 21/01/2008 và ngày 25/5/2011.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vũ Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **218.203.469** (*hai trăm mười tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn bốn trăm sáu mươi chín*) đồng.

- Ngân hàng TMCP AC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **91.876.906** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AH/2011/00377 ngày 05/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S*).

- Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Hồng M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **400.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AB/2014/0005169 ngày 29/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S*).

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Phú